

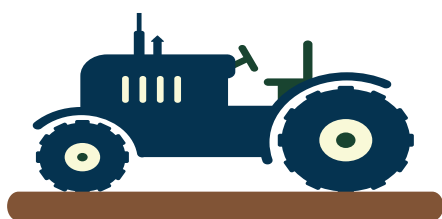


TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG MỘT NĂM 2025

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu tính đến 20/01/2025 (so với cùng kỳ năm trước)



2.020,2 nghìn ha

▲ **3,9%**

Lúa đông xuân

143,6

nghìn ha

▲ **2,0%**

Ngô

27,3

nghìn ha

▼ **8,0%**

Khoai lang

31,6

nghìn ha

▲ **4,5%**

Lạc

2,7

nghìn ha

▼ **10,4%**

Đậu tương

351,5

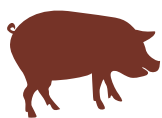
nghìn ha

▲ **1,0%**

Rau đậu các loại

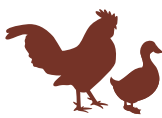
Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 01/2025 so với cùng thời điểm năm trước

▲ **3,7%**



Lợn

▲ **1,7%**



Gia cầm

▼ **4,4%**



Trâu

▼ **0,3%**



Bò

Sản lượng thủy sản tháng 01/2025

Nuôi trồng

329,2

nghìn tấn

▲ **5,1%**

TỔNG SỐ

594,1

nghìn tấn

▲ **0,7%**

Khai thác

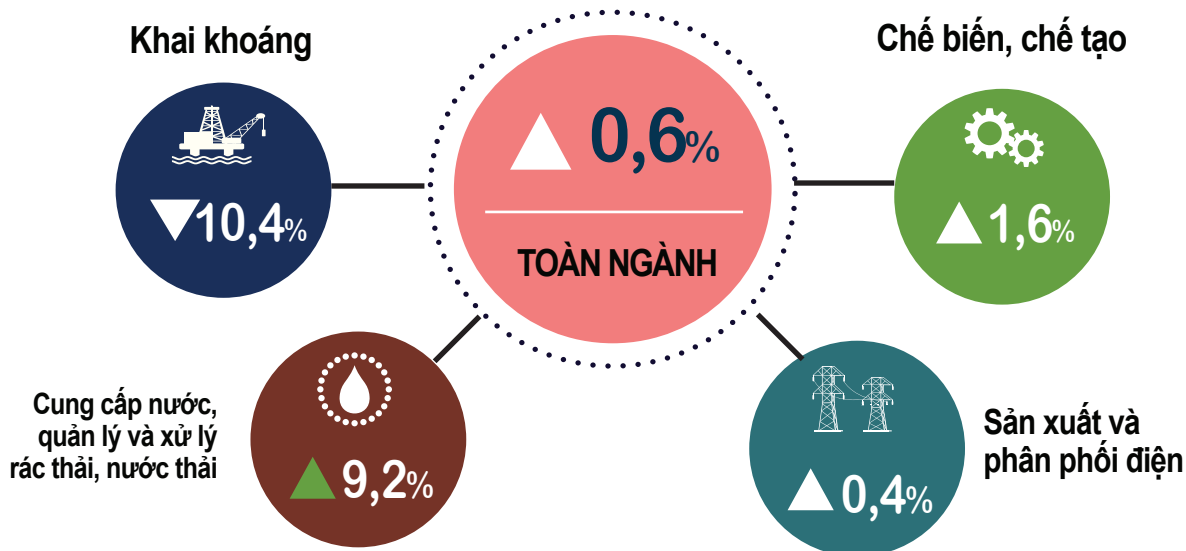
264,9

nghìn tấn

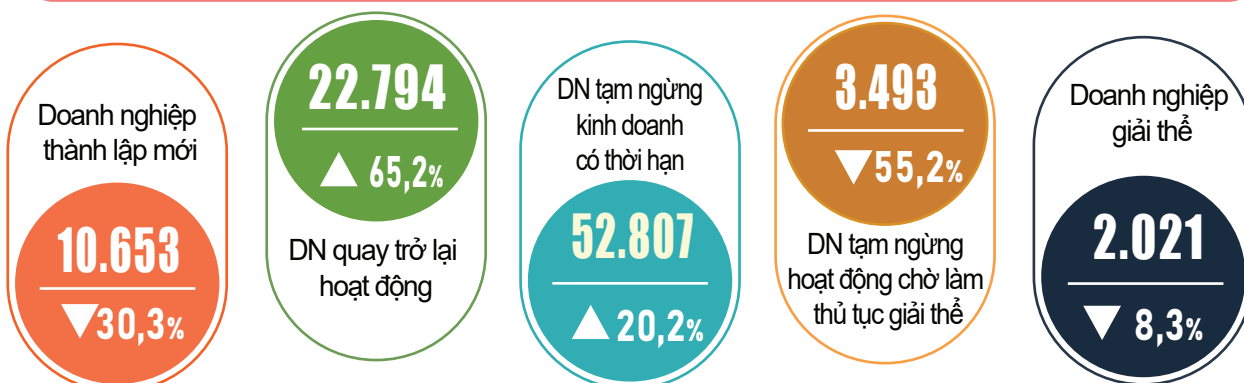
▼ **4,3%**

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÁNG 01/2025

Tốc độ tăng/giảm Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

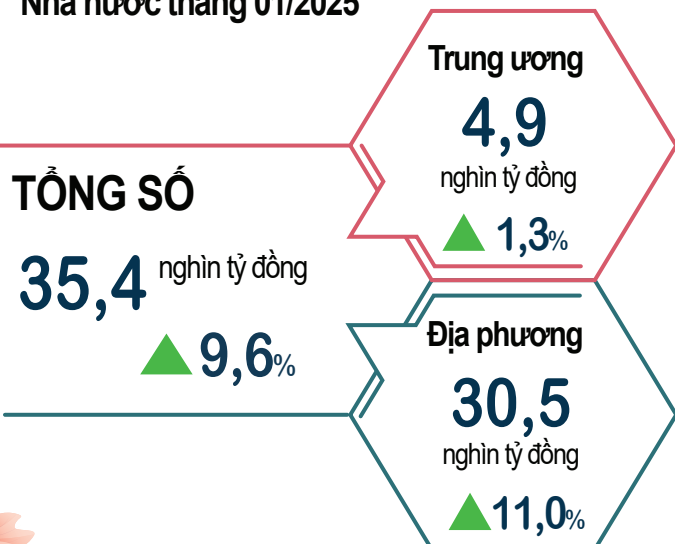


TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP THÁNG 01/2025

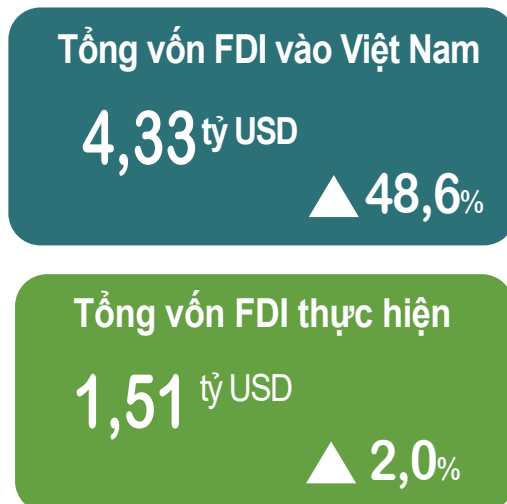


HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2025



Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01-31/01/2025



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

Tháng 01/2025 (so với cùng kỳ năm trước)

441,4

nghìn tỷ đồng

▲ **8,6%**

Bán lẻ hàng hóa

67,3

nghìn tỷ đồng

▲ **14,8%**

Lưu trú, ăn uống

5,1

nghìn tỷ đồng

▲ **17,3%**

Du lịch lữ hành

59,5

nghìn tỷ đồng

▲ **9,8%**

Dịch vụ khác

TỔNG SỐ

573,3 nghìn tỷ đồng

▲ **9,5%**

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THÁNG 01/2025 (so với cùng kỳ năm trước)

Xuất khẩu

33,09 tỷ USD

▼ **4,3%**

Nhập khẩu

30,06 tỷ USD

▼ **2,6%**

XUẤT SIÊU

3,03 tỷ USD

CHỈ SỐ GIÁ

100,98%

CPI tháng 01/2025
so với
tháng trước

103,63%

CPI tháng 01/2025
so với
tháng 01/2024

129,13%

Chỉ số giá vàng
tháng 01/2025
so với cùng
kỳ năm trước

103,98%

Chỉ số giá đô la Mỹ
tháng 01/2025
so với cùng
kỳ năm trước

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA THÁNG 01/2025

(so với cùng kỳ năm trước)

Vận tải hành khách

Vận chuyển

453,7 triệu lượt khách

▲ 17,0%

Luân chuyển

25,4 tỷ khách.km

▲ 18,0%



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

236,4 triệu tấn

▲ 12,5%

Luân chuyển

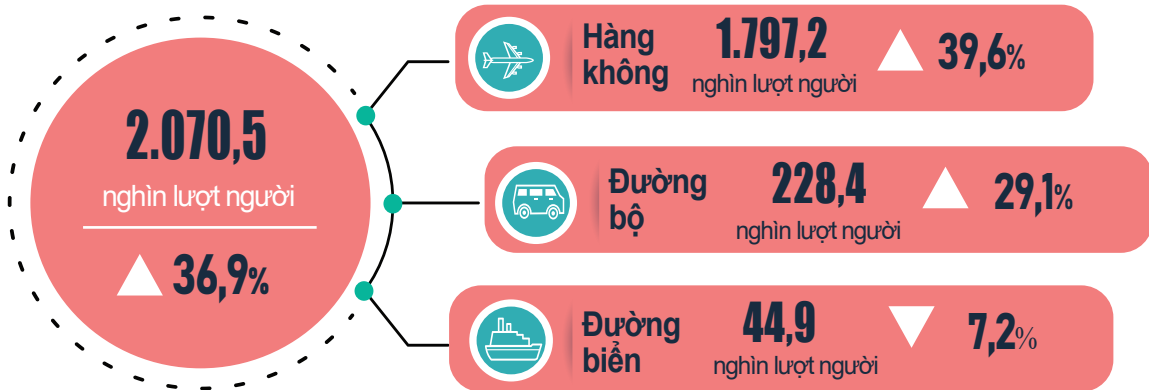
53,8 tỷ tấn.km

▲ 15,2%



KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM THÁNG 01/2025

(so với cùng kỳ năm trước)



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á

1.606,9

▲ 42,8%

Châu Âu

266,7

▲ 22,9%

Châu Mỹ

119,7

▲ 23,1%

Châu Úc

72,2

▲ 7,1%

Châu Phi

5,0

▼ 2,2%

TAI NẠN GIAO THÔNG THÁNG 01/2025

Số vụ tai nạn

1.772

Bình quân 1 ngày

57

Vụ

Số người chết

964

Bình quân 1 ngày

31

người

Số người bị thương

1.138

Bình quân 1 ngày

37

người